

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 122 /2018/HS-ST
Ngày 10- 5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Phúc Tiếng và bà V Thị Kim Chi;

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Duy Toàn –Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 65/2018/TLST-HS ngày 28/3/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2018/QĐXXST-HS ngày 26/4/2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Nguyên V; Tên gọi khác: V tr; sinh ngày 14/7/1979 tại Đắk Lắk; Nơi ĐKKHKT: đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở: đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Nguyễn H P, sinh năm: 1952; Con bà: Nguyễn T T M, sinh năm: 1956 ; Bị cáo có vợ là L T H, sinh năm: 1970 ; có 03 người con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2004; Nhân thân:

- Ngày 15/3/2002 bị TAND TP Buôn Ma Thuột xử phạt 18 tháng tù về tội: tàng trữ trái phép chất ma túy (Bản án số 53);

- Ngày 9/3/2010 bị TAND TP Buôn Ma Thuột xử phạt 3 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 34); Đến ngày 23/2/2012 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 23/12/2017 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa;

2. Đỗ Quang Th; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 20/10/1982 tại Đăk Lăk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: đường N, phường E, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Con ông: Đ V Th, sinh năm: 1952; Con bà: Ph Th M D, sinh năm: 1954; Bị cáo có vợ là H Đ A, sinh năm: 1986 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010; Nhân thân:

- Năm 2002 bị Công an TP Buôn Ma Thuột xử phạt hành chính hình thức cảnh cáo về hành vi gây rối trật tự;

- Ngày 11/2/2009 bị TAND TP Buôn Ma Thuột xử phạt 6 tháng 5 ngày tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 14);

- Ngày 30/8/2011 bị TAND TP Buôn Ma Thuột xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 229);

- Ngày 23/4/2013 bị xử phạt vi phạm hành chính đưa vào Trung tâm giáo dục lao động xã hội, thời hạn 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 23/12/2017 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa;

3. Nguyễn Đình L; Tên gọi khác: B; Sinh năm 1982 tại Đăk Lăk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Ng X Ph, sinh năm: 1959; Con bà: Đ Th H, sinh năm: 1962; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án; tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 23/12/2017 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà H N, sinh năm 1963. Vắng mặt tại phiên tòa;

Trú tại: , phường E, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk;

2. Ông V Nhật Th; Vắng mặt tại phiên tòa;

Trú tại: Thôn X, xã C, huyện E, tỉnh Đăk Lăk;

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Ngọc Đ, sinh năm 1962. Vắng mặt tại phiên tòa;

Trú tại: Tổ dân phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk;

2. Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1998. Vắng mặt tại phiên tòa;

Trú tại: đường A M, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk;

3. Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1969: Vắng mặt tại phiên tòa;

Trú tại: đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk;

4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965: Vắng mặt tại phiên tòa;

Trú tại: Thôn X, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Nguyên V là người sử dụng chất ma túy từ năm 2001. Do không có nghề nghiệp ổn định và để có tiền mua ma túy sử dụng nên V đã nảy sinh ý định mua bán trái phép chất ma túy.

Ngày 12/12/2017, V gọi điện thoại cho một người tên T (chưa rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua 1.000.000 đồng heroin. T đồng ý và đến chỗ ở của V tại đường Ng, phường T, thành phố B để bán heroin cho V. Sau khi mua được heroin, V sử dụng một mình đến ngày 14/12/2017 thì còn lại một phần, V phân số heroin còn lại thành hai gói giấy bạc nhỏ và cất trong túi quần

Khoảng 12h15' ngày 14/12/2017 khi V đang ở tại nhà số N thì có Đỗ Quang T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 47XXXX đến trước cổng nhà hỏi mua heroin. Do cổng nhà V đang khoá kín nên T đưa qua lỗ nhỏ ở cổng vào trong nhà 200.000đ. V lấy tiền rồi đưa qua lỗ nhỏ ở cổng cho T 01 gói giấy bạc chứa heroin. Sau khi mua được heroin, T cầm gói giấy bạc chứa heroin trong lòng bàn tay phải và điều khiển xe mô tô trên đi tìm nơi sử dụng, khi đi đến khu vực ngã tư đường Đ N và đường A J, phường T, thành phố B thì bị phát hiện bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ của T gồm: 01 gói giấy bạc chứa chất rắn màu trắng; 01 bơm kim tiêm chưa qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu CKD Thailand, biển kiểm soát 47XXXXX, số máy: VZSXXXXX, số khung: RL1DCXXXXX và 01 điện thoại di động hiệu HOTWAV XXX.

Sau khi T mua được ma túy và đi khỏi thì có Nguyễn Đình L cũng là người nghiện ma túy đến trước nhà cổng nhà V hỏi mua ma túy. Cũng như L, T đưa qua lỗ nhỏ ở cổng nhà V số tiền 200.000đ. V nhận tiền rồi đưa cho T 01 gói giấy bạc chứa heroin qua lỗ ở cổng. Sau khi mua được heroin, L cất gói heroin vào túi quần Jean bên phải phía trước L đang mặc và đi ra đường Nguyễn Tất Thành, thành phố B yêu cầu ông Nguyễn Văn H là người chạy xe ôm chở về nhà. Ông H chở L đến ngã ba đường T C và đường L T H G, phường L, thành phố B thì bị phát hiện bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ của L: 01 gói giấy bạc chứa chất rắn màu trắng.

Tại bản kết luận giám định số 95/GĐMT-PC54 ngày 18/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

- Phong bì 1: Chất rắn đựng trong 01 gói giấy bạc tạm giữ của Nguyễn Đình L được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3048gam, loại: Heroin.

- Phong bì 2: Chất rắn màu trắng đựng trong 01 gói giấy bạc tạm giữ của Đỗ Quang T được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3511gam, loại: Heroin.

- Phong bì 3: Chất rắn màu trắng đựng trong 02 gói giấy bạc tạm giữ khi khám xét chỗ ở của Nguyễn Nguyên V được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1985gam, loại: Heroin.

- Phong bì 4: Chất rắn màu trắng đựng trong 03 túi nylon tạm giữ khi khám xét chỗ ở của Nguyễn Nguyên V được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,0085gam, loại Heroin.

Tại bản cáo trạng số 97/2018/CT-VKS ngày 26/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Nguyễn Nguyên V, về tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; các bị cáo Đỗ Quang T và Nguyễn Đình L về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 3 Điều 7 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi vi phạm của mình;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột công bố bản luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh các bị cáo như bản Cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, tính chất, nguyên nhân, động cơ mục đích và hậu quả của hành vi phạm tội của từng bị cáo đối với xã hội nói chung và đối với người bị hại nói riêng, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 để tuyên bố bị cáo Nguyễn Nguyên V phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy; Áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 3 Điều 7 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2017 để tuyên bố các bị cáo Đỗ Quang T và Nguyễn Đình L phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy và xử phạt bị cáo Nguyễn Nguyên V từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù giam; bị cáo Đỗ Quang T từ 02 năm 6 tháng đến 03 năm tù giam, bị cáo Nguyễn Đình L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù giam;

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả cho Nguyễn Nguyên V số tiền 8.290.000đ; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh, đen đã cũ, mặt sau lưng điện thoại ghi số XXXXX và 01 áo thun màu xanh đen có sọc màu đỏ là tài sản riêng của Nguyễn Nguyên V không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

- Trả cho Đỗ Quang T 01 điện thoại di động hiệu XXX là tài sản riêng của T không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

- Tịch thu sung công quỹ số tiền 400.000đ của Nguyễn Nguyên V là tiền V thu lợi bất chính từ việc bán ma túy.

- Tịch thu tiêu huỷ 0,5737gam heroin còn lại sau giám định là tang vật của vụ án được niêm phong trong hai gói số 95 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk và 01 bơm kim tiêm chưa qua sử dụng.

- Ý kiến của các bị cáo: không tranh luận gì;

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: đã ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng một mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an TP Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Về chứng cứ xác định có tội:

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Qua lời khai nhận tội của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận giám định pháp y, biên bản khám nghiệm hiện trường... cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định:

Vào ngày 14/12/2017 bị cáo Nguyễn Nguyên V có hành vi bán trái phép 0,3048 gam chất rắn màu trắng là ma túy loại heroin cho Nguyễn Đình L và bán trái phép 0,3511 gam chất rắn màu trắng là ma túy loại heroin cho Đỗ Quang T. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi. Bị cáo là người đã từng bị kết án về tội liên quan đến ma túy tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội. Hành vi của bị cáo thực hiện là đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Do vậy cần xử bị cáo hình phạt tù cách ly với xã hội một thời gian dài để bị cáo có điều kiện cải tạo thành công dân có ích và cũng nhằm để giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét hành vi tàng trữ trái phép là tàng trữ trái phép 0,3048 gam loại chất heroin của bị cáo Nguyễn Đình L và hành vi tàng trữ trái phép 0.3511 gam loại chất heroin của bị cáo Đỗ Quang T nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân của là vi phạm pháp luật, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tuy nhiên do hành vi của 02 bị cáo này thực hiện trước 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, do vậy căn cứ vào các quy định: khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41 ngày ngày 20/6/2017 của Quốc hội cần phải áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với 02 bị cáo này.

3. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Nguyên V không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để lượng hình. Bị cáo bán ma túy để thu lời bất chính, vì vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 30, khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) phạt tiền bổ sung đối với bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

Đối với bị cáo Đỗ Quang T và bị cáo Nguyễn Đình L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để lượng hình. Bị cáo L được lượng hình nhẹ hơn bị cáo T vì chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1 Đối với ông Nguyễn Văn H đã chở Nguyễn Đình L đi đến nhà Nguyễn Nguyên V mua ma túy nhưng việc L mua ma túy và cất giấu ma túy trong người thì ông H hoàn toàn không biết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý đối với ông H là phù hợp.

4.2 Đối với nguồn gốc ma túy Nguyễn Nguyên V bán cho Đỗ Quang T và Nguyễn Đình L, V khai nhận mua của một người nam giới tên T (V không rõ nhân thân, lai lịch). Đến nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột vẫn chưa xác minh được về nhân thân, lai lịch của đối tượng này. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tách hành vi bán trái phép chất ma túy của đối tượng T ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

4.3 Đối với ngôi nhà số N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk mà Nguyễn Nguyên V dùng làm địa điểm mua bán chất ma túy. Quá trình điều tra xác định căn

nhà trên là của bà Nguyễn Thị T cho V ở nhờ, đến nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột vẫn chưa làm việc được với bà T. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tách hành vi của bà T ra khỏi vụ án này để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

4.4 Đối với 0,2070 gam ma túy loại heroin; 01 cuộn giấy bạc; 01 gói nylon chứa nhiều tờ giấy bạc; 03 hộp đựng đầy bom kim tiêm loại chưa sử dụng thu giữ tại nhà Nguyễn Nguyên V, V không thừa nhận các vật chứng trên là của V và cũng không biết là của ai. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tách các vật chứng trên ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

4.5. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu CKD Th, biển kiểm soát 47F1XXXX, số máy: VZSXXXX, số khung: RL1DCXXXX, Đỗ Quang T dùng để đi mua ma túy. Quá trình điều tra xác định được chiếc xe trên là của bà H N (sinh năm: 1963, trú tại: Buôn B, phường E, thành phố B) cho T mượn sử dụng. Việc T dùng chiếc xe trên đi mua ma túy bà H N không hay biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý và ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu bà H N là phù hợp.

4.6 Đối với số tiền 8.690.000đ (tám triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng) tạm giữ của Nguyễn Nguyên V thì có 400.000đ (bốn trăm ngàn) là tiền V bán ma túy cho L và T thu được, còn lại 8.290.000đ là tài sản riêng của V không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho V.

4.7. Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh, đen đã cũ, mặt sau lưng điện thoại ghi số IMEI XXXXX và 01 áo thun màu xanh đen có sọc màu đỏ là tài sản riêng của Nguyễn Nguyên V không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho V.

4.8. Đối với 01 điện thoại di động hiệu XXXXX thu giữ của Đỗ Quang T là tài sản riêng của T không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho T.

4.9. Đối với 01 bom kim tiêm chưa qua sử dụng thu giữ của Đỗ Quang T là dụng cụ T dùng để sử dụng trái phép chất ma túy cần tịch thu, tiêu hủy;

4.10. Đối với 0,5737gam heroin còn lại sau giám định được niêm phong trong hai gói số 95 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk là tang vật của vụ án cần tịch thu, tiêu hủy.

5. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 254, 259, 260 và 326 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Nguyên V** phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy";

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nguyên V: 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/12/2017.

Căn cứ khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố: Bị cáo **Đỗ Quang T** và bị cáo **Nguyễn Đình L** phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy";

+ Xử phạt bị cáo Đỗ Quang T: 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/12/2017;

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình L: 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/12/2017;

2. Hình phạt bổ sung:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 30, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009):

Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Nguyên V, số tiền: 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực đối với khoản tiền mà bị cáo phải thi hành cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 400.000đồng của bị cáo Nguyễn Nguyên V là tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy;

- Tịch thu, tiêu huỷ 0,5737gam heroin còn lại sau giám định là tang vật của vụ án được niêm phong trong hai gói số 95 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk và 01 bom kim tiêm chưa qua sử dụng;

- Trả cho bị cáo Nguyễn Nguyên V số tiền 8.290.000đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh, đen đã cũ, mặt sau lưng điện thoại ghi số IMEI XXXXXX và 01 áo thun màu xanh đen có sọc màu đỏ, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án dân sự;

- Trả cho bị cáo Đỗ Quang T 01 điện thoại di động hiệu XXXXX nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

(Đặc điểm vật chứng, tài sản theo nội dung Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/3/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự TP Buôn Ma Thuột).

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Các bị cáo Nguyễn Nguyên V, Đỗ Quang T và Nguyễn Đình L mỗi bị cáo phải chịu: 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV CA tỉnh;
- Sở TP Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CA TP BMT
- Chi cục THADSBMT;
- Các Bị cáo, bị hại;
- Lưu VP, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Duy Phương

